TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Võ Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh;

2/ Ông Nguyễn Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đạc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, về việc "*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con*"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Công D – Sinh năm 1978 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Mã Ngọc K – Sinh năm 1978 (vắng mặt, không có lý do).

Cùng địa chỉ: Thôn LGiang, xã HTrí, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/5/2024, bản khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Công D khai:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mã Ngọc K cưới nhau vào khoảng năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hàm Trí theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2000 ngày 29/5/2000. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện tìm hiểu trong thời gian 01 năm. Sau khi cưới vợ chồng bà sống ở thôn Lâm Giang, xã

Hàm Trí. Vợ chồng sống không hạnh phúc từ khi cưới. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, ông Kiệm thường xuyên uống rượu, đánh đập bà. Vợ chồng bà không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 10/2023 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà là yêu cầu xin được ly hôn với ông Mã Ngọc K.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Mã Thị Ngọc Đ – Sinh ngày 30/4/1998, Mã Thị Ngọc S – Sinh ngày 27/7/2000 và Mã Thị An N – Sinh ngày 10/02/2012. Hiện nay các con tên Đ, S đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, con chung tên N đang ở với bà D. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên An N. Bà không yêu cầu ông Mã Ngọc K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, do ông Mã Ngọc K vắng mặt nên bà yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Mã Ngọc K đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tụng tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung với bị đơn, đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Lâm Giang, xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Công D vắng mặt tại phiên tòa, đã có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 13/6/2024. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Mã Ngọc K đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Công D và ông Mã Ngọc K tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hàm Trí theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2000 ngày 29/5/2000. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Nguyễn Thị Công D cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc từ khi cưới và nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, ông Kiệm thường xuyên uống rượu, đánh đập bà. Vợ chồng bà không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 10/2023 cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Công D xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Mã Ngọc K.

Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Mã Ngọc K nhưng ông Mã Ngọc K cố tình lẫn tránh, vắng mặt không có lý do. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Công D và ông Mã Ngọc K thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị Công D là có căn cứ nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Công D và ông Mã Ngọc K có 03 con chung tên Mã Thị Ngọc Đ – Sinh ngày 30/4/1998, Mã Thị Ngọc S – Sinh ngày 27/7/2000 và Mã Thị An N – Sinh ngày 10/02/2012. Các con tên Mã Thị Ngọc Đ, Mã Thị Ngọc S đã trưởng thành bà Nguyễn Thị Công D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với con tên Mã Thị An N đang ở với bà Nguyễn Thị Công D.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại bản khai, bà Nguyễn Thị Công D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Mã Thị An N – Sinh ngày 10/02/2012, không yêu cầu ông Mã Ngọc K cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của bà Nguyễn Thị Công D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi vợ chồng bà Nguyễn Thị Công D, ông Mã Ngọc K không còn ở chung với nhau cho đến nay, con chung tên An Nhiên ở với bà Danh do bà Danh chăm sóc, giáo dục và con chung tên An Nhiên có nguyện vọng ở với bà Nguyễn Thị Công D; ông Mã Ngọc K không đến Tòa để nêu ý kiến. Vì vậy, giao con chung tên Mã Thị

An N cho bà Nguyễn Thị Công D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Công D không yêu cầu ông Mã Ngọc K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí*:* Bà Nguyễn Thị Công D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Ông Mã Ngọc K không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Công D về việc yêu cầu ly hôn với ông Mã Ngọc K.

Bà Nguyễn Thị Công D được ly hôn với ông Mã Ngọc K.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Công D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mã Thị An N – Sinh ngày 10/02/2012.

Bà Nguyễn Thị Công D không yêu cầu ông Mã Ngọc K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Mã Ngọc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Công D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Công D đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013374 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không nộp nữa.

Ông Mã Ngọc K không chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Võ Văn

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Võ Văn